TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **20**/2025/DS-ST Ngày 12 – 9 - 2025 V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Viết Trung
Bà Nguyễn Thị Uyên

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2025/TLST-DS ngày 05/5/2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-DS ngày 11/8/2025, Quyết định hoãn phiên toà số 10/2025/QĐST-DS ngày 25/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân Hàng N**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 198 T, Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

Người đại diện uỷ quyền: Ông Lê Đình H – Giám đốc Ngân hàng N - CN Bình Phước.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hà Ngọc D – Trưởng Phòng Phòng giao dịch P của Ngân hàng TMCP P - CN Bình Phước. Địa chỉ liên hệ: 744 P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay la phường B, tỉnh Đồng Nai). (có mặt)

- *Bị đơn:*

+ Bà **Nguyễn Thị Hiền L**, sinh năm: 1975. Địa chỉ nơi cư trú: 100/8 L, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh). Địa

chỉ tạm trú: Khu phố 2, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước (nay là phường PP, tỉnh Đồng Nai). (có mặt)

+ Ông **Huỳnh Tấn T**, sinh năm: 1971. Địa chỉ nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long). Địa chỉ tạm trú: Thôn P, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai). (vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ bà L, ông T: Thôn P, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày*:

Ngân hàng – Chi nhánh P – Phòng giao dịch P đã cho bà Nguyễn Thị Hiền L, ông Huỳnh Tấn T vay vốn theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 104A23/CN/PB ngày 05/04/2023, cụ thể như sau: Trị giá hợp đồng: 5.400.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ bốn trăm triệu đồng), Thời hạn vay: tối đa 06 tháng/giấy nhận nợ, Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để đảm bảo cho các Hợp đồng tín dụng nêu trên bà Nguyễn Thị Hiền L - ông Huỳnh Tấn T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành DC 052159, số vào sổ cấp GCN: CS04019/CN, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 17/05/2021. Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 042TC21/PB-01 ngày 09/6/2021 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01 ngày 05/4/2023.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành BX 301492, số vào sổ cấp GCN: CS003310/CL, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 13/04/2017, cập nhật biến động số 1456/THTN ngày 23/08/2021 và số 1570/CN ngày 11/01/2022 bởi Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Bù Gia Mập. Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 023TC22/PB ngày 21/02/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01 ngày 05/4/2023.

Dư nợ gốc đến thời điểm 11/06/2024: 5.400.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ bốn trăm triệu đồng); Nợ lãi đến hết ngày 11/06/2024: 271.579.178 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi mốt triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng); Lãi phạt quá hạn nợ gốc tạm tính đến hết ngày 11/06/2024, 63.486.165 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi lăm đồng). Thời điểm chuyển nợ quá hạn tháng 12/2023. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà L, ông L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên, tuy nhiên bà L, ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo khoản 8.2, Điều 8 và điểm 10.1.1, khoản 10.1, Điều 10 theo Hợp đồng cho vay ngày 05/04/2023.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Tuyên buộc bà L, ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi và phí phát quá hạn gốc vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 11/06/2024 là: Dư nợ gốc: 5.400.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ bốn trăm triệu đồng), Nợ lãi: 271.579.178 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi mốt triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng); Lãi phạt quá hạn nợ gốc tạm tính: 63.486.165 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi lăm đồng).

Tuyên buộc bà L, ông T phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 11/06/2024 cho đến ngày thực tế bà L, ông T trả hết nợ gốc cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 014A23/CN/PB ngày 05/04/2023.

Tuyên trong trường hợp bà L, ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của bà L, ông T nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trường hợp xử lý thu nợ không đủ thì bà L, ông T có nghĩa vụ tiếp tục phải thanh toán cho đến khi hết nợ.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Hiền L trình bày:* Bà với ông T có ký kết Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 104A23/CN/PB ngày 05/04/2023; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 042TC21/PB-01 ngày 09/6/2021 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01 ngày 05/4/2023; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 023TC22/PB ngày 21/02/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01 ngày 05/4/2023 để vay số tiền 5.400.000.000 đồng (năm tỷ bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay 06 tháng mục đích kinh doanh, sau khi ký hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng bà số tiền trên. Tuy nhiên, sau khi vay tiền thì vợ chồng làm ăn khó khăn chưa thanh toán được nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, tính đến ngày 18/02/2025, nợ gốc 5.400.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 643.750.137 đồng, lãi quá hạn 249.571.644 đồng. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian và giảm tiền lãi cho bà.

- *Bị đơn ông Huỳnh Tấn T trình bày:* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tài vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Tại phiên toà:

+ Đại diện nguyên đơn Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị Hiền L đồng ý trả nợ và xử lý tài sản thế chấp theo yêu cầu của Ngân hàng. Tuy nhiên, bà đề nghị Ngân hàng giảm một phần tiền lãi và cho bà thời gian đến cuối năm 2025 sẽ tự bán tài sản để trả nợ cho Ngân hàng.

- *Kiểm sát viên trình bày quan điểm tại phiên tòa: (Có bài phát biểu riêng)*

+ *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục và tuân thủ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng, buộc bà Nguyễn Thị Hiền L và ông Huỳnh Tấn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 5.400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật*: Xét thấy, đây là vụ kiện dân sự "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" do Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) thực hiện quyền khởi kiện; người bị kiện bà Nguyễn Thị Hiền L, ông Huỳnh Tấn T, địa chỉ nơi cư trú hiện nay tại thôn P, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (nay là Toà án nhân dân Khu vực 11 – Đồng Nai).

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Bị đơn ông Huỳnh Tấn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với ông Huỳnh Tấn T.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Xét thấy, theo nội dung Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 104A23/CN/PB ngày 05/04/2023, Giấy nhận nợ số số 02 ngày 18/8/2023, Giấy nhận nợ số 03 ngày 10/10/2023 và Giấy nhận nợ số 04 ngày 11/10/2023 giữa Ngân hàng với bà Loan, ông Tài thể hiện: Số tiền vay: 5.400.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ bốn trăm triệu đồng), Thời hạn vay: tối đa 06 tháng/giấy nhận nợ, Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên cho bà L, ông T số tiền trên. Để bảo đảm khoản vay nêu trên, bà L có thế chấp tài sản:

+ Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 7 diện tích 10.470,6m^2 tại thôn Phước Tân, xã Bình Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (nay là xã Bình Tân, tỉnh Đồng Nai) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành DC 052159, số vào sổ cấp GCN: CS04019/CN, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 17/05/2021. Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 042TC21/PB-01 ngày 09/6/2021 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01 ngày 05/4/2023.

+ Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 diện tích 34.499,8m^2 tại thôn Bình Hà 2, xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đa Kia, tỉnh Đồng Nai) đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành BX 301492, số vào sổ cấp GCN: CS003310/CL, do

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 13/04/2017, cập nhật biến động số 1456/THTN ngày 23/08/2021 và số 1570/CN ngày 11/01/2022 bởi Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Bù Gia Mập. Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 023TC22/PB ngày 21/02/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01 ngày 05/4/2023. Việc vay và thế chấp nêu trên đã được bà L thừa nhận.

Xét thấy, Hợp đồng cho vay và các Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được Ngân hàng và bà L, ông T được ký kết bằng văn bản trên tinh thần tự nguyện, đúng chủ thể, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng thế chấp cũng đã được công chứng hợp pháp và đăng đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định, nội dung hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định tại các Điều 116; 117; 119; 120, 317, 318, 319, 320, 502, 503 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 167, 188 Luật đất đai 2013.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay đã ký; bà L cũng thừa nhận vi phạm nghĩa vụ trả nợ nêu trên.

Tính đến ngày 10/9/2025, bà L, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền 6.749.264.247 đồng, bao gồm: Nợ gốc 5.400.000.000 đồng, lãi trong hạn 947.711.781 đồng, lãi quá hạn 401.552.466 đồng, tại phiên toà bà L đồng ý trả số nợ trên cho Ngân hàng. Do đó cần buộc bà L, ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 11/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp, bà L, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L, ông T tại Ngân hàng thì bà L, ông T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong nợ. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Tại phiên toà, bị đơn bà L đề nghị Ngân hàng giảm một phần tiền lãi và cho thời hạn đến cuối năm 2025 để bà tự chuyển nhượng tài sản thế chấp trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn Ngân hàng không đồng ý nên không được chấp nhận.

[4] *Về chi phí xác minh, xem xét thẩm định tại chỗ:* 10.000.000 đồng bà L, ông T phải chịu. Do Ngân hàng đã tạm ứng nên bà L, ông T có nghĩa vụ liên đới trả lại cho Ngân hàng số tiền này.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc bà L, ông T phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch 114.749.200 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 157, 158, 165; Điều 201, 217, 227, 235, 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các các Điều 116; 117; 119; 120, 317,318, 319, 320 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 167, 188 Luật đất đai 2013; Các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Các Điều 26, 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Hiền L, ông Huỳnh Tấn T có nghĩa vụ phải liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 10/9/2025 là 6.749.264.247 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng), bao gồm: Nợ gốc 5.400.000.000 đồng, lãi trong hạn 947.711.781 đồng, lãi quá hạn 401.552.466 đồng.

1.2. Bà Nguyễn Thị Hiền L, ông Huỳnh Tấn T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 11/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng cho vay đã ký nêu trên.

1.3. Tiếp tục duy trì biện pháp thế chấp tài sản đối với tài sản thế chấp theo Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 042TC21/PB-01 ngày 09/6/2021, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01 ngày 05/4/2023 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 023TC22/PB ngày 21/02/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01 ngày 05/4/2023 để đảm bảo việc thu hồi nợ của Ngân hàng. Trường hợp bà L, ông T không trả nợ hoặc trả không đầy đủ cả gốc và nợ lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 53, tờ bản đồ số 7 diện tích 10.470,6m^2 tại thôn Phước Tân, xã Bình Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (nay là xã Bình Tân, tỉnh Đồng Nai) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành DC 052159, số vào sổ cấp GCN: CS04019/CN, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 17/05/2021.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 diện tích 34.499,8m^2 tại thôn Bình Hà 2, xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đa Kia, tỉnh Đồng Nai) đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành BX 301492, số vào sổ cấp GCN: CS003310/CL, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 13/04/2017, cập nhật biến động số 1456/THTN ngày 23/08/2021 và số 1570/CN ngày 11/01/2022 bởi Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Bù Gia Mập.

1.4. Trường hợp phát mãi tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì bà Nguyễn Thị Hiền L, ông Huỳnh Tấn T tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán nợ cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Nguyễn Thị Hiền L, ông Huỳnh Tấn T phải chịu 10.000.000 đồng. Do Ngân hàng đã tạm ứng nên bà L, ông T có nghĩa vụ liên đới trả lại cho Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười triệu đồng)*.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Hiền L, ông Huỳnh Tấn T phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 114.749.200 đồng *(Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm đồng)*.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 60.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001571 ngày 04/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – Đồng Nai, Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 11 – Đồng Nai;
- Phòng THADS Khu vực 11 – Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đỗ Tấn Trường